

(Đề gồm có 02 trang)

Phần I: TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm) Hãy chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Trong các cách viết sau, cách viết nào **không phải** là phân số.

- A. -3 . B. $\frac{0}{7}$. C. $\frac{1,2}{16}$. D. $\frac{8}{15}$.

Câu 2: Số nghịch đảo của phân số $\frac{-3}{5}$ là .

- A. $\frac{-5}{3}$. B. $\frac{5}{3}$. C. $\frac{3}{5}$. D. $\frac{-3}{5}$.

Câu 3: Số nguyên x thỏa mãn: $\frac{x}{3} = \frac{12}{18}$ là. A. $x = -2$. B. $x = 2$. C. $x = \frac{-1}{2}$. D. $x = \frac{1}{2}$.

Câu 4: Phân số bằng phân số $\frac{-1}{5}$ là. A. $-\frac{4}{20}$. B. $\frac{-4}{-20}$. C. $\frac{-5}{15}$. D. $\frac{2}{10}$.

Câu 5: Rút gọn phân số $\frac{8}{16}$ ta được phân số tối giản là.

- A. $\frac{1}{8}$. B. $\frac{1}{4}$. C. $\frac{1}{2}$. D. $\frac{4}{8}$.

Câu 6: Hai phân số $\frac{a}{b}$ và $\frac{c}{d}$ bằng nhau khi nào.

- A. $ab = cd$. B. $ac = bd$. C. $ad = bc$. D. $cd = ab$.

Câu 7: Hỗn số $3\frac{1}{2}$ được viết dạng phân số là.

- A. $\frac{-7}{2}$. B. $\frac{7}{-2}$. C. $\frac{2}{7}$. D. $\frac{7}{2}$.

Câu 8: Cho điểm I là trung điểm của đoạn thẳng PQ và $PI = 5cm$. Độ dài đoạn thẳng PQ là.

- A. $5cm$. B. $2,5cm$. C. $7,5cm$. D. $10cm$.

Câu 9: Kết quả phép tính $\frac{-2}{3} + \frac{5}{6}$ là.

- A. $\frac{1}{3}$. B. $\frac{-1}{3}$. C. $\frac{-1}{6}$. D. $\frac{1}{6}$.

Câu 10: $\frac{3}{8}$ của 24 là.

- A. $\frac{189}{8}$. B. 64 C. $24\frac{3}{8}$. D. 9.

Câu 11: Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm A và B cho trước.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. Vô số đường thẳng.

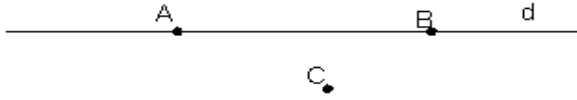
Câu 12: Số đối của $-\frac{3}{2}$ là.

- A. $\frac{3}{2}$. B. $\frac{2}{3}$. C. $\frac{3}{-2}$. D. $\frac{-2}{3}$.

Câu 13: Cho các số nguyên a, b, m, n với $b, m, n \neq 0$. Khẳng định nào sau đây là **sai**.

- A. $\frac{a}{b} = \frac{a:n}{b:n}$ (với n là ước chung của a và b).
 B. $\frac{a}{b} = \frac{a.m}{b.m}$.
 C. $\frac{a}{b} = \frac{-a}{-b}$.
 D. $\frac{a}{b} = \frac{a+m}{b+m}$.

Câu 14: Cho hình vẽ sau. Đáp án nào sau đây **sai**.



- A. $A \in d$.
 B. $C \notin d$.
 C. $A \notin d$.
 D. $B \in d$.

Câu 15: Cho đoạn thẳng AB, điểm M là trung điểm của AB nếu.

- A. Điểm M nằm giữa 2 điểm A, B và $MA > MB$.
 B. Điểm M nằm giữa 2 điểm A, B và $AM = MB$.
 C. Điểm M cách đều 2 điểm A và B.
 D. Điểm M nằm trên đoạn thẳng AB.

Câu 16: Khẳng định đúng trong các khẳng định sau là.

- A. $\frac{5}{-17} < \frac{10}{-17}$
 B. $\frac{15}{19} < \frac{13}{19}$
 C. $\frac{-17}{20} > \frac{15}{20}$
 D. $-\frac{8}{-15} < 0$

Câu 17: Cho $a = \frac{-3}{7}$ và $b = \frac{-1}{2}$. So sánh a và b .
 A. $a < b$.
 B. $a = b$.
 C. $a \geq b$.
 D. $a > b$.

Câu 18: Kết quả phép tính $(-2) : \frac{1}{10}$ là.
 A. $-\frac{1}{5}$.
 B. $\frac{1}{5}$.
 C. -20.
 D. 20

Câu 19: Biết khí Oxygen chiếm 21% thể tích của không khí. Hỏi trong $5 m^3$ không khí thì Oxygen chiếm thể tích là bao nhiêu.

- A. $2,1 m^3$.
 B. $1,05 m^3$.
 C. $3,95 m^3$.
 D. $1,5 m^3$.

Câu 20: Cho các điểm M, N, P cùng thuộc một đường thẳng như hình vẽ. Hai tia đối nhau trong hình là.



- A. tia PN và tia PM .
 B. tia PN và tia NM .
 C. tia MN và tia NP .
 D. tia NM và tia NP .

Phần II: TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Bài 1. (1,0 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $\frac{13}{15} + \frac{7}{13} + \frac{-13}{15}$
 b) $\frac{6}{11} \cdot \frac{12}{19} + \frac{6}{11} \cdot \frac{7}{19} - \frac{17}{11}$

Bài 2. (0,75 điểm): Tìm x biết: $\frac{3}{5} - x = \frac{2}{7}$

Bài 3. (0,75 điểm): Chiều dài của một mảnh vườn hình chữ nhật là 40 m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài.

Tính diện tích mảnh vườn.

Bài 4. (1 điểm) *Vẽ hình theo hướng dẫn sau:* Cho đoạn thẳng AB dài 8cm. Lấy điểm C nằm giữa hai điểm A và B sao cho $AC = 4$ cm.

- a) Kể tên các đoạn thẳng trong hình.
 b) Tính độ dài đoạn thẳng CB.
 c) Điểm C có là trung điểm của đoạn AB không? vì sao?

Bài 5. (0,5 điểm)

Có 3 cái bánh dẻo như nhau chia đều cho 4 em. Hỏi phải cắt bánh như thế nào để mỗi cái bánh không bị cắt thành quá 3 phần?

(Đề gồm có 02 trang)

-----HẾT-----

Phần I: TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm) Hãy chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: $\frac{3}{8}$ của 24 là.

A. $\frac{189}{8}$.

B. 64

C. $24\frac{3}{8}$.

D. 9.

Câu 2: Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm A và B cho trước.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. Vô số đường thẳng.

Câu 3: Hai phân số $\frac{a}{b}$ và $\frac{c}{d}$ bằng nhau khi nào.

A. $ab = cd$.

B. $ac = bd$.

C. $ad = bc$.

D. $cd = ab$.

Câu 4: Trong các cách viết sau, cách viết nào **không phải** là phân số.

A. -3.

B. $\frac{0}{7}$.

C. $\frac{1,2}{16}$.

D. $\frac{8}{15}$.

Câu 5: Số nghịch đảo của phân số $\frac{-3}{5}$ là.

A. $\frac{-5}{3}$.

B. $\frac{5}{3}$.

C. $\frac{3}{5}$.

D. $\frac{-3}{5}$.

Câu 6: Số nguyên x thỏa mãn: $\frac{x}{3} = \frac{12}{18}$ là. A. $x = -2$. B. $x = 2$. C. $x = \frac{-1}{2}$. D. $x = \frac{1}{2}$.

Câu 7: Cho điểm I là trung điểm của đoạn thẳng PQ và $PI = 5cm$. Độ dài đoạn thẳng PQ là.

A. 5cm.

B. 2,5cm.

C. 7,5cm.

D. 10cm.

Câu 8: Phân số bằng phân số $\frac{-1}{5}$ là. A. $-\frac{4}{20}$. B. $-\frac{4}{-20}$. C. $-\frac{5}{15}$. D. $\frac{2}{10}$.

Câu 9: Rút gọn phân số $\frac{8}{16}$ ta được phân số tối giản là.

A. $\frac{1}{8}$.

B. $\frac{1}{4}$.

C. $\frac{1}{2}$.

D. $\frac{4}{8}$.

Câu 10: Hỗn số $3\frac{1}{2}$ được viết dạng phân số là.

A. $\frac{-7}{2}$.

B. $\frac{7}{-2}$.

C. $\frac{2}{7}$.

D. $\frac{7}{2}$.

Câu 11: Kết quả phép tính $\frac{-2}{3} + \frac{5}{6}$ là.

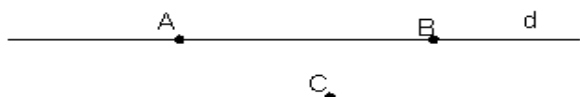
A. $\frac{1}{3}$.

B. $\frac{-1}{3}$.

C. $\frac{-1}{6}$.

D. $\frac{1}{6}$.

Câu 12: Cho hình vẽ sau. Đáp án nào sau đây **sai**.



A. $A \in d$.

B. $C \notin d$.

C. $A \notin d$.

D. $B \in d$.

Câu 13: Số đối của $-\frac{3}{2}$ là .

A. $\frac{3}{2}$.

B. $\frac{2}{3}$.

C. $\frac{3}{-2}$.

D. $\frac{-2}{3}$.

Câu 14: Cho các số nguyên a, b, m, n với $b, m, n \neq 0$. Khẳng định nào sau đây là **sai**.

A. $\frac{a}{b} = \frac{a:n}{b:n}$ (với n là ước chung của a và b).

B. $\frac{a}{b} = \frac{a.m}{b.m}$.

C. $\frac{a}{b} = \frac{-a}{-b}$.

D. $\frac{a}{b} = \frac{a+m}{b+m}$.

Câu 15: Cho đoạn thẳng AB, điểm M là trung điểm của AB nếu.

A. Điểm M nằm giữa 2 điểm A, B và $MA > MB$.

B. Điểm M nằm giữa 2 điểm A, B và $AM = MB$.

C. Điểm M cách đều 2 điểm A và B.

D. Điểm M nằm trên đoạn thẳng AB.

Câu 16: Khẳng định đúng trong các khẳng định sau là.

A. $\frac{5}{-17} < \frac{10}{-17}$.

B. $\frac{15}{19} < \frac{13}{19}$.

C. $\frac{-17}{20} > \frac{15}{20}$.

D. $-\frac{8}{-15} < 0$.

Câu 17: Biết khí Oxygen chiếm 21% thể tích của không khí. Hỏi trong $5m^3$ không khí thì Oxygen chiếm thể tích là bao nhiêu.

A. $2,1m^3$.

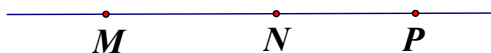
B. $1,05m^3$.

C. $3,95m^3$.

D. $1,5m^3$.

Câu 18: Cho $a = \frac{-3}{7}$ và $b = \frac{-1}{2}$. So sánh a và b . A. $a < b$ B. $a = b$ C. $a \geq b$ D. $a > b$

Câu 19: Cho các điểm M, N, P cùng thuộc một đường thẳng như hình vẽ. Hai tia đối nhau trong hình là.



A. tia PN và tia PM .

B. tia PN và tia NM .

C. tia MN và tia NP .

D. tia NM và tia NP .

Câu 20: Kết quả phép tính $(-2) : \frac{1}{10}$ là. A. $\frac{-1}{5}$. B. $\frac{1}{5}$. C. -20. D. 20.

Phần II: TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Bài 1. (1,0 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $\frac{13}{15} + \frac{7}{13} + \frac{-13}{15}$

b) $\frac{6}{11} \cdot \frac{12}{19} + \frac{6}{11} \cdot \frac{7}{19} - \frac{17}{11}$

Bài 2. (0,75 điểm) Tìm x biết: $\frac{3}{5} - x = \frac{2}{7}$

Bài 3. (0,75 điểm): Chiều dài của một mảnh vườn hình chữ nhật là 40 m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài.

Tính diện tích mảnh vườn .

Bài 4. (2 điểm) *Vẽ hình theo hướng dẫn sau:* Cho đoạn thẳng AB dài 8cm. Lấy điểm C nằm giữa hai điểm A và B sao cho $AC = 4cm$.

a) Kể tên các đoạn thẳng trong hình.

b) Tính độ dài đoạn thẳng CB.

c) Điểm C có là trung điểm của đoạn AB không? vì sao?

Bài 5. (0,5 điểm) Có 3 cái bánh dẻo như nhau chia đều cho 4 em. Hỏi phải cắt bánh như thế nào để mỗi cái bánh không bị cắt thành quá 3 phần?

-----HẾT-----